

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 988/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-07-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mai

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1872/2022/TLST-HNST ngày 16 tháng 12 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ D; cư trú tại: A, đường Nguyễn Văn Công, phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Bùi Đức H; cư trú tại: B đường số 20, phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2022 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị Mỹ D trình bày: Bà và ông Bùi Đức H tự nguyện kết hôn năm 2005 và đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Sau khi chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do đôi bên bất đồng quan điểm, tính cách và các vấn đề kinh tế chung của gia đình. Bà và ông H đã có gắng tự giải quyết, hàn gắn xung đột nhưng không có kết quả. Đôi bên đã sống ly thân từ năm 2018. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung tên Bùi Đức S, sinh ngày 09/12/2005 và Bùi Quỳnh Nguyên S1, sinh ngày: 01/01/2015. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ 02 con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi trẻ Bùi Quỳnh Nguyên S1 là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: ông Bùi Đức H vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và vắng mặt tại phiên tòa dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa, ông H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Qua kiểm tra việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nghiên cứu.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Ý kiến việc giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc bà D yêu cầu ly hôn với ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến tham gia phiên tòa vào ngày 07/7/2023 và ngày 31/7/2023 nhưng bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 31 quyền số 01/05 do Ủy ban nhân dân phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 24/5/2005 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản ghi nhận lời khai và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện mâu thuẫn gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Tòa án đã nhiều lần phân tích, động viên bà D hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn cương quyết yêu cầu ly hôn. Hơn nữa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc nhưng vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện, ông H thờ ơ, không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Xét thấy hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm cách sống. Đôi bên phải quý trọng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà D yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào văn bản lập ngày 13/6/2023, trẻ Bùi Đức S, sinh ngày 09/12/2005 và Bùi Quỳnh Nguyên S1, sinh ngày: 01/01/2015, trình bày: Hiện nay đang do bà D chăm sóc nuôi dưỡng, không ở chung với ông H. Hai trẻ có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Vì vậy, để bảo đảm ổn định cuộc sống, phù hợp với nguyện vọng của trẻ, HĐXX quyết định giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

Căn cứ vào Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông H cấp dưỡng nuôi trẻ Bùi Quỳnh Nguyên S1, sinh ngày: 01/01/2015 là 5.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn. Ông H phải nộp án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ D:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ D được ly hôn với ông Bùi Đức H

Giấy chứng nhận kết hôn số 31 quyển số 01/05 do Ủy ban nhân dân phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 24/5/2005 hết hiệu lực.

Về con chung: Giao con chung là trẻ Bùi Đức S, sinh ngày 09/12/2005 và Bùi Quỳnh Nguyên S1, sinh ngày: 01/01/2015 cho bà Trần Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông H cấp dưỡng nuôi trẻ Bùi Quỳnh Nguyên S1 là 5.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng lần lượt cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi. Ông H phải thi hành ngay theo quy định của khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà D phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012324 ngày 16/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà D đã nộp đủ án phí.

Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ nên phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- THA DS Q.Gò Vấp;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Dương sự
- Lưu

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Linh